

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO QUẢNG NGÃI
TRƯỜNG THPT SỐ 1 NGHĨA HÀNH

DANH SÁCH HỌC SINH TRÚNG TUYỂN VÀO LỚP 10 NĂM HỌC 2025-2026
(Kèm theo Tờ trình số 91 /TTr-NH1, ngày 20/6/2025 của Hiệu trưởng Trường THPT số 1 Nghĩa Hành)

TT	SBD	Phòng thi	Hội đồng thi	Họ và tên học sinh	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm các môn thi				Điểm ưu tiên, KK	Điểm xét tuyển	Trúng tuyển nguyện vọng	Ghi chú
								Ngữ văn	Toán	T.Anh	Chuyên				
1	240223	10	NH1	DƯƠNG NGỌC TÂN	Nam	31/07/2010	Quảng Ngãi	8.75	8.25	9.4		0	26.4	NV1	
2	240091	04	NH1	TUÔNG NGUYỄN GIA KHANG	Nam	12/04/2010	Quảng Ngãi	8.5	8.5	9.3		0	26.3	NV1	
3	090034	P02	LK	VÕ THỊ MINH HUỆ	Nữ	24/11/2010	Quảng Ngãi	9	7.75	9.5	4.25	0	26.25	NV1	
4	240132	06	NH1	VÕ KIỀU MY	Nữ	01/12/2010	Quảng Ngãi	8.75	8.5	8.9		0	26.15	NV1	
5	090135	P06	LK	TRẦN THUY TRINH	Nữ	10/10/2010	Quảng Ngãi	8.25	8.5	9.3	4.25	0	26.05	NV1	
6	240231	10	NH1	NGUYỄN QUANG THẮNG	Nam	09/11/2010	Quảng Ngãi	8.75	8.25	9		0	26	NV1	
8	090613	P28	LK	PHẠM VŨ BẢO THIÊN	Nam	04/02/2010	Quảng Ngãi	8	8.25	9.7	5.9	0	25.95	NV1	
7	240149	07	NH1	VÕ TRỊNH KIM NGÂN	Nữ	01/04/2010	Quảng Ngãi	9	7.25	9.7		0	25.95	NV1	
9	240269	12	NH1	PHẠM HỒ NGỌC TRÚC	Nữ	17/06/2010	Quảng Ngãi	9	7.5	9.4		0	25.9	NV1	
10	240022	01	NH1	PHAN NGỌC BẢO CHÂU	Nữ	26/02/2010	Quảng Ngãi	7.75	8.25	9.8		0	25.8	NV1	
11	240288	12	NH1	NGÔ THANH VÂN	Nữ	08/06/2010	Quảng Ngãi	9	7.5	9.2		0	25.7	NV1	
12	240112	05	NH1	NGUYỄN THỊ YẾN LUÂN	Nữ	07/02/2010	Quảng Ngãi	7.75	9.25	8.6		0	25.6	NV1	
13	240211	09	NH1	NGUYỄN NGỌC NHƯ QUỲNH	Nữ	20/07/2010	Quảng Ngãi	8.25	7.5	9.8		0	25.55	NV1	
14	240212	09	NH1	NGUYỄN THỊ NHƯ QUỲNH	Nữ	24/10/2010	Quảng Ngãi	7.75	8	9.8		0	25.55	NV1	
15	090080	P04	LK	VŨ ĐOÀN TÍN NGHĨA	Nam	09/02/2010	Quảng Ngãi	8.75	7.75	8.8	2.25	0	25.3	NV1	
16	240201	09	NH1	NGUYỄN HỮU MINH QUANG	Nam	10/10/2010	Quảng Ngãi	8	8.25	9		0	25.25	NV1	
17	240094	04	NH1	NGUYỄN NGỌC KHIÊM	Nam	30/10/2010	Quảng Ngãi	7.5	8	8.2		1.5	25.2	NV1	
18	240124	06	NH1	NGUYỄN CAO MY	Nữ	19/04/2010	Quảng Ngãi	7.25	8.25	9.5		0	25	NV1	
19	240209	09	NH1	LÊ NHẬT QUỲNH	Nữ	12/09/2010	Quảng Ngãi	9	7	9		0	25	NV1	
20	240163	07	NH1	LÊ TÂN NHẬT	Nam	12/06/2010	Quảng Ngãi	8.5	7.75	8.7		0	24.95	NV1	
21	240276	12	NH1	LÊ HỒNG TUYẾN	Nam	16/03/2010	Quảng Ngãi	8.75	8.25	7.9		0	24.9	NV1	
23	090011	P01	LK	VÕ THÀNH DIỆN	Nam	30/10/2010	Quảng Ngãi	7.75	7.75	9.3	4.5	0	24.8	NV1	
22	240203	09	NH1	NGUYỄN DIỆN QUỲ	Nam	13/12/2010	Quảng Ngãi	8	7.5	9.3		0	24.8	NV1	
25	090077	P04	LK	NGUYỄN TRÚC MY	Nữ	21/04/2010	Quảng Ngãi	7.75	8.25	8.7	3.25	0	24.7	NV1	
24	240309	14	NH1	HUỲNH LÊ NHƯ Ý	Nữ	31/07/2010	Quảng Ngãi	7.75	8.25	8.7		0	24.7	NV1	
26	240266	12	NH1	VÕ THỊ PHƯƠNG TRINH	Nữ	27/01/2010	Quảng Ngãi	8.5	7	9.1		0	24.6	NV1	
27	090154	P07	LK	NGUYỄN VÕ TUÔNG VY	Nữ	28/02/2010	Quảng Ngãi	7.5	8.5	8.5	4	0	24.5	NV1	
28	240301	13	NH1	NGUYỄN NGỌC QUỲNH VY	Nữ	09/01/2010	Quảng Ngãi	9.25	7.5	7.7		0	24.45	NV1	
29	240042	02	NH1	VÕ HẢI ĐĂNG	Nam	11/04/2010	Bà Rịa - Vũng Tàu	7.75	8	8.6		0	24.35	NV1	
30	090052	P03	LK	TRẦN HỮU KHANG	Nam	22/05/2010	Quảng Ngãi	6.75	8.25	9.3	4.25	0	24.3	NV1	
31	090517	P24	LK	ĐÀO NGUYỄN BẢO CHÂU	Nữ	03/03/2010	Quảng Ngãi	8	6.5	9.8	5.6	0	24.3	NV1	
32	240008	01	NH1	PHẠM PHƯƠNG ANH	Nữ	18/02/2010	Quảng Ngãi	8	7.75	6.9		1.5	24.15	NV1	
35	090097	P05	LK	TỪ NGUYỄN TUYẾN PHONG	Nam	14/02/2010	Quảng Ngãi	7.5	7.5	9.1	3.75	0	24.1	NV1	

TT	SBD	Phòng thi	Hội đồng thi	Họ và tên học sinh	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm các môn thi				Điểm ưu tiên, KK	Điểm xét tuyển	Trúng tuyển nguyện vọng	Ghi chú
								Ngữ văn	Toán	T.Anh	Chuyên				
36	090585	P27	LK	NGUYỄN PHƯƠNG YẾN NHI	Nữ	18/04/2010	Quảng Ngãi	8	7.5	8.6	5.6	0	24.1	NVI	
33	240161	07	NHI	MAI THỊ KIM NHÂN	Nữ	14/03/2010	Quảng Ngãi	8.5	7.5	8.1		0	24.1	NVI	
34	240234	10	NHI	HỒ NGUYỄN HỮU THIÊN	Nam	09/08/2010	Quảng Ngãi	7.75	7.75	8.6		0	24.1	NVI	
37	240072	03	NHI	NGUYỄN THANH HIẾU	Nam	17/11/2010	Quảng Ngãi	8	7.25	8.8		0	24.05	NVI	
38	240292	13	NHI	NGUYỄN THÚY VIÊN	Nữ	17/11/2010	Quảng Ngãi	9.25	7.5	7.3		0	24.05	NVI	
39	240146	07	NHI	NGUYỄN THỊ THANH NGÂN	Nữ	30/10/2010	Quảng Ngãi	8.25	8.25	7.5		0	24	NVI	
40	240305	14	NHI	VÕ NHẬT TƯỜNG VY	Nữ	20/11/2010	Quảng Ngãi	8	7.5	8.5		0	24	NVI	
41	240151	07	NHI	LƯU MINH NGHĨA	Nam	19/03/2010	Quảng Ngãi	7.5	6.75	9.7		0	23.95	NVI	
42	240261	11	NHI	TRẦN MINH TRIẾT	Nam	15/06/2010	Quảng Ngãi	8	6.25	9.7		0	23.95	NVI	
43	240023	01	NHI	VÕ HUỖNH MINH CHÂU	Nữ	08/10/2010	Quảng Ngãi	7.5	7.5	8.9		0	23.9	NVI	
44	240081	04	NHI	TRẦN ĐỨC HUY	Nam	25/10/2010	Quảng Ngãi	8.5	8.25	7.1		0	23.85	NVI	
45	240208	09	NHI	HUỖNH THỊ DIỄM QUỲNH	Nữ	17/05/2010	Quảng Ngãi	8.25	7.5	8.1		0	23.85	NVI	
46	240291	13	NHI	LÊ THÁI ANH VĨ	Nam	28/11/2010	Quảng Ngãi	8	7.25	8.6		0	23.85	NVI	
47	240310	14	NHI	LÊ THỊ NHƯ Ý	Nữ	22/04/2010	Quảng Ngãi	8.5	7.75	7.6		0	23.85	NVI	
48	240058	03	NHI	NGUYỄN MAI HÀO	Nam	04/01/2010	Quảng Ngãi	7	8	8.8		0	23.8	NVI	
49	240027	02	NHI	TẠ NGỌC DANH	Nam	27/08/2010	Quảng Ngãi	6.75	8.25	8.7		0	23.7	NVI	
50	240195	09	NHI	NGUYỄN TUYẾN PHONG	Nam	16/06/2010	Quảng Ngãi	7.5	8.5	7.7		0	23.7	NVI	
51	240122	06	NHI	ĐẶNG TRÀ MY	Nữ	02/02/2010	Quảng Ngãi	7.5	7.5	8.6		0	23.6	NVI	
52	240290	13	NHI	NGÔ THANH VI	Nữ	03/06/2010	Quảng Ngãi	8	8.5	7.1		0	23.6	NVI	
53	240021	01	NHI	NGÔ LÊ BẢO CHÂU	Nữ	05/08/2010	Quảng Ngãi	7.5	8.25	7.7		0	23.45	NVI	
54	240054	03	NHI	VÕ VĂN HÀ	Nam	10/11/2010	Quảng Ngãi	8.5	7.25	7.7		0	23.45	NVI	
55	090413	P22	LK	VÕ BÍCH THY	Nữ	20/10/2010	Quảng Ngãi	8	6.5	8.9	4.5	0	23.4	NVI	
56	090636	P29	LK	VĂN NGỌC NHƯ Ý	Nữ	14/04/2010	Quảng Ngãi	8	6.25	9.1	4.6	0	23.35	NVI	
57	240107	05	NHI	VÕ KIM LOAN	Nữ	19/03/2010	An Giang	7	7	9.3		0	23.3	NVI	
58	240136	06	NHI	ĐỖ HOÀNG NAM	Nam	17/09/2010	Quảng Ngãi	6.25	8.25	8.8		0	23.3	NVI	
59	240147	07	NHI	NGUYỄN THỊ TUYẾT NGÂN	Nữ	04/10/2010	Quảng Ngãi	7.75	7.75	7.7		0	23.2	NVI	
60	240080	04	NHI	PHAN GIA HUY	Nam	30/12/2010	Quảng Ngãi	5	8.75	9.4		0	23.15	NVI	
61	240144	06	NHI	NGUYỄN NGỌC KIM NGÂN	Nữ	04/03/2010	Quảng Ngãi	7.5	7.25	8.4		0	23.15	NVI	
62	240207	09	NHI	ĐINH LÊ NHƯ QUỲNH	Nữ	01/02/2010	Quảng Ngãi	8	6.75	8.4		0	23.15	NVI	
63	240179	08	NHI	LÊ THỊ QUỲNH NHƯ	Nữ	19/07/2010	Quảng Ngãi	8.5	7.5	7.1		0	23.1	NVI	
64	240206	09	NHI	BÙI THỊ NHƯ QUỲNH	Nữ	06/06/2010	Quảng Ngãi	8.5	7.25	7.3		0	23.05	NVI	
65	240216	09	NHI	VƯƠNG TÚ QUỲNH	Nữ	15/05/2010	Quảng Ngãi	7.5	8.25	7.3		0	23.05	NVI	
66	240312	14	NHI	NGUYỄN NHƯ Ý	Nam	14/08/2010	Quảng Ngãi	6.5	7.75	8.8		0	23.05	NVI	
67	240133	06	NHI	LÊ TẠ MY NA	Nữ	03/02/2010	Quảng Ngãi	7	7.25	8.7		0	22.95	NVI	
68	240050	03	NHI	NGUYỄN THỊ TRÀ GIANG	Nữ	04/05/2010	Quảng Ngãi	7.25	8.25	7.4		0	22.9	NVI	
69	240298	13	NHI	HUỖNH THỊ THẢO VY	Nữ	16/03/2010	Quảng Ngãi	7.5	7.5	7.9		0	22.9	NVI	
70	240123	06	NHI	HỒ NGUYỄN MY MY	Nữ	12/06/2010	Quảng Ngãi	7.75	7	8.1		0	22.85	NVI	

TT	SBD	Phòng thi	Hội đồng thi	Họ và tên học sinh	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm các môn thi				Điểm ưu tiên, KK	Điểm xét tuyển	Trúng tuyển nguyện vọng	Ghi chú
								Ngữ văn	Toán	T.Anh	Chuyên				
71	240258	11	NH1	VÕ NHƯ BẢO TRÂM	Nữ	21/10/2010	Bình Định	7	6.75	9.1		0	22.85	NV1	
72	240265	12	NH1	NGUYỄN THỊ HỒNG TRINH	Nữ	12/02/2010	Quảng Ngãi	8	7.5	7.3		0	22.8	NV1	
73	240105	05	NH1	NGUYỄN THỊ NGỌC LIÊN	Nữ	13/09/2010	Quảng Ngãi	7.75	7.5	7.5		0	22.75	NV1	
74	240232	10	NH1	LÊ THANH THÊ	Nữ	12/02/2010	Quảng Ngãi	8.75	8	6		0	22.75	NV1	
75	240289	13	NH1	TRƯƠNG THANH VÂN	Nữ	23/09/2010	Quảng Ngãi	8.5	7.25	7		0	22.75	NV1	
76	240295	13	NH1	VÕ TRƯỞNG QUANG VINH	Nam	14/02/2010	Quảng Ngãi	8	6.75	8		0	22.75	NV1	
77	240019	01	NH1	LÊ NGUYỄN HỒNG CẨM	Nữ	05/07/2010	Quảng Ngãi	8.5	7	7.2		0	22.7	NV1	
78	240205	09	NH1	TRẦN LÊ NHẬT QUYỀN	Nữ	08/02/2010	Hồ Chí Minh	8.5	7.25	6.9		0	22.65	NV1	
79	240192	08	NH1	LÊ VŨ PHONG	Nam	26/09/2010	Quảng Ngãi	5.75	8	8.8		0	22.55	NV1	
80	240246	11	NH1	TRẦN THỊ LỆ THÙY	Nữ	26/10/2010	Quảng Ngãi	8	7.25	7.3		0	22.55	NV1	
81	240041	02	NH1	NGUYỄN TẤN ĐẠT	Nam	30/03/2010	Quảng Ngãi	7.25	7.75	7.5		0	22.5	NV1	
82	240140	06	NH1	HỒ KIM NGÂN	Nữ	01/07/2010	Thừa Thiên Huế	7.5	6.5	8.5		0	22.5	NV1	
83	240186	08	NH1	NGUYỄN TẤN PHÁT	Nam	24/12/2010	Quảng Ngãi	7	7	8.5		0	22.5	NV1	
84	240114	05	NH1	LÊ TUYẾT LY	Nữ	27/07/2010	Quảng Ngãi	7.25	7.5	7.7		0	22.45	NV1	
85	240187	08	NH1	TRẦN ĐỨC PHÁT	Nam	03/09/2010	Quảng Ngãi	8	7.5	6.9		0	22.4	NV1	
86	240219	10	NH1	NGUYỄN TÀI	Nam	27/08/2010	Quảng Ngãi	6.5	7.5	8.4		0	22.4	NV1	
87	240154	07	NH1	NGUYỄN THỊ Ý NGỌC	Nữ	02/05/2010	Quảng Ngãi	8.75	6.5	7.1		0	22.35	NV1	
88	240026	02	NH1	PHAN PHÚ CUỒNG	Nam	29/11/2010	Quảng Ngãi	8	6.75	7.5		0	22.25	NV1	
89	240109	05	NH1	NGUYỄN THÀNH LONG	Nam	15/12/2010	Quảng Ngãi	6.75	7.5	8		0	22.25	NV1	
90	240171	08	NH1	TIÊU YẾN NHI	Nữ	16/10/2010	Quảng Ngãi	7.25	7	8		0	22.25	NV1	
91	240218	10	NH1	NGUYỄN VĂN SÂM	Nam	24/01/2010	Quảng Ngãi	8	7.75	6.5		0	22.25	NV1	
92	240018	01	NH1	NGUYỄN TẤN CẨM	Nam	02/01/2010	Quảng Ngãi	7.75	6.75	7.7		0	22.2	NV1	
93	240053	03	NH1	PHAN THỊ KIM HÀ	Nữ	05/09/2010	Quảng Ngãi	8	7	7.2		0	22.2	NV1	
94	240065	03	NH1	TRẦN THỊ MỸ HẬU	Nữ	14/02/2010	Quảng Ngãi	8	6.75	7.4		0	22.15	NV1	
95	240153	07	NH1	TRẦN ĐÀO KIM NGHĨA	Nữ	05/03/2010	Quảng Ngãi	7	6.75	8.4		0	22.15	NV1	
96	240155	07	NH1	PHẠM BẢO NGỌC	Nữ	30/06/2010	Quảng Ngãi	7.75	6.5	7.9		0	22.15	NV1	
97	240160	07	NH1	NGÔ QUANG NGUYỄN	Nam	05/04/2010	Quảng Ngãi	7.75	6.5	7.9		0	22.15	NV1	
98	240063	03	NH1	PHAN LÊ GIA HÂN	Nữ	09/03/2010	An Giang	8	7.5	6.6		0	22.1	NV1	
99	240164	07	NH1	BÙI ĐÌNH NHẬT	Nam	06/01/2010	Quảng Ngãi	7.5	6.5	8.1		0	22.1	NV1	
100	240252	11	NH1	PHẠM THÊ TÍN	Nam	23/11/2010	Quảng Ngãi	7.75	7.25	7.1		0	22.1	NV1	
101	240158	07	NH1	LÊ BẢO NGUYỄN	Nữ	15/04/2010	Quảng Ngãi	8.25	6	7.8		0	22.05	NV1	
103	090437	P23	LK	PHẠM NGUYỄN NHƯ Ý	Nữ	30/08/2010	Quảng Ngãi	7.25	7.25	7.5	6.25	0	22	NV1	
102	240268	12	NH1	NGUYỄN THỊ THANH TRÚC	Nữ	02/03/2010	Quảng Ngãi	8	7.5	6.5		0	22	NV1	
104	240226	10	NH1	TỬ PHƯƠNG THANH	Nữ	03/02/2010	Quảng Ngãi	8.75	6.75	6.4		0	21.9	NV1	
105	240262	11	NH1	VÕ MINH TRIẾT	Nam	20/03/2010	Quảng Ngãi	7.5	7.5	6.9		0	21.9	NV1	
106	240238	10	NH1	NGUYỄN TẤN THỊNH	Nam	02/01/2010	Quảng Ngãi	6.25	7	8.6		0	21.85	NV1	
107	240278	12	NH1	NGUYỄN THỊ ÁNH TUYẾT	Nữ	10/10/2010	Quảng Ngãi	8.75	5.75	7.3		0	21.8	NV1	

TT	SBD	Phòng thi	Hội đồng thi	Họ và tên học sinh	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm các môn thi				Điểm ưu tiên, KK	Điểm xét tuyển	Trúng tuyển nguyện vọng	Ghi chú
								Ngữ văn	Toán	T.Anh	Chuyên				
108	240066	03	NH1	ĐẶNG THỊ THU HIỀN	Nữ	25/06/2010	Quảng Ngãi	8	7.25	6.5		0	21.75	NV1	
109	240100	05	NH1	NGUYỄN BÁCH GIA KHƯƠNG	Nữ	11/04/2010	Quảng Ngãi	7.75	7	7		0	21.75	NV1	
110	240233	10	NH1	VÕ LONG THIÊN	Nam	27/06/2010	Quảng Ngãi	8.5	6.25	7		0	21.75	NV1	
111	240025	02	NH1	NGUYỄN NGỌC HOÀNG CƯƠNG	Nam	23/03/2010	Quảng Ngãi	6.5	6.75	8.4		0	21.65	NV1	
112	240214	09	NH1	TRỊNH DIỆU QUỲNH	Nữ	17/11/2010	Quảng Ngãi	7.75	6	7.9		0	21.65	NV1	
113	240256	11	NH1	ĐẶNG HUYỀN TRÂM	Nữ	08/02/2010	Quảng Ngãi	7.5	7.25	6.9		0	21.65	NV1	
114	240215	09	NH1	TRƯƠNG LÊ NHƯ QUỲNH	Nữ	16/11/2010	Thanh Hóa	7.5	7	7.1		0	21.6	NV1	
115	240270	12	NH1	ĐỖ NGỌC TRƯỜNG	Nam	27/07/2010	Quảng Ngãi	8.5	8	5		0	21.5	NV1	
116	240141	06	NH1	HUỶNH THỊ THANH NGÂN	Nữ	26/03/2010	Quảng Ngãi	8	6.5	6.9		0	21.4	NV1	
117	240213	09	NH1	PHẠM NGỌC QUỲNH	Nữ	12/02/2010	Quảng Ngãi	7.25	6.75	6.4		1	21.4	NV1	
118	240156	07	NH1	PHẠM LÊ NHƯ NGỌC	Nữ	18/12/2010	Quảng Ngãi	7.25	7	7.1		0	21.35	NV1	
119	240210	09	NH1	LÊ NHƯ QUỲNH	Nữ	23/04/2010	Quảng Ngãi	8.5	5.75	7.1		0	21.35	NV1	
120	240274	12	NH1	TRẦN BÁ DUY TÙNG	Nam	03/09/2010	Quảng Ngãi	7	7.75	6.6		0	21.35	NV1	
121	240004	01	NH1	VÕ THÀNH AN	Nam	21/04/2010	Quảng Ngãi	6	7.75	7.5		0	21.25	NV1	
122	240126	06	NH1	NGUYỄN LÊ THẢO MY	Nữ	23/09/2010	Quảng Ngãi	7	6.75	7.5		0	21.25	NV1	
123	240131	06	NH1	PHẠM NỮ TRÀ MY	Nữ	17/06/2010	Quảng Ngãi	7	5.75	8.5		0	21.25	NV1	
124	240241	11	NH1	HUỶNH THỊ NGỌC THU	Nữ	20/01/2010	Quảng Ngãi	8.5	6.75	6		0	21.25	NV1	
125	240183	08	NH1	NGÔ ĐỨC PHÁP	Nam	31/08/2010	Quảng Ngãi	7	7.5	6.7		0	21.2	NV1	
126	240016	01	NH1	NGUYỄN VĂN BẢO	Nam	16/09/2010	Quảng Ngãi	7.5	8.25	5.4		0	21.15	NV1	
127	240128	06	NH1	NGUYỄN THỊ TRÀ MY	Nữ	05/11/2010	Quảng Ngãi	8	8.25	4.9		0	21.15	NV1	
128	240250	11	NH1	BÙI THỊ THIÊN TIẾN	Nữ	12/05/2010	Quảng Ngãi	7	7	7.1		0	21.1	NV1	
129	240228	10	NH1	LƯU THỊ THU THẢO	Nữ	10/11/2010	Quảng Ngãi	8	7.25	5.8		0	21.05	NV1	
130	240308	14	NH1	ĐỖ NHẬT NHƯ Ý	Nữ	09/09/2010	Quảng Ngãi	7.5	6.25	6.8		0.5	21.05	NV1	
131	240104	05	NH1	ĐÀM THỊ THÚY LÊ	Nữ	11/01/2010	Quảng Ngãi	8.25	6.25	6.5		0	21	NV1	
132	240224	10	NH1	VÕ DUY TÂN	Nam	17/10/2010	Quảng Ngãi	7	7	7		0	21	NV1	
133	240043	02	NH1	HUỶNH VĂN DÔNG	Nam	19/11/2010	Quảng Ngãi	7	5.75	8.2		0	20.95	NV1	
134	240049	03	NH1	LƯƠNG THỊ BÍCH GIANG	Nữ	21/01/2010	Quảng Ngãi	7	7.25	6.7		0	20.95	NV1	
135	240174	08	NH1	NGUYỄN THỊ MAI NHUNG	Nữ	18/10/2010	Quảng Ngãi	7	6.75	7.2		0	20.95	NV1	
136	240283	12	NH1	CAO THU UYÊN	Nữ	09/04/2010	Quảng Ngãi	9	6.25	5.7		0	20.95	NV1	
137	240074	04	NH1	NGUYỄN THỊ XUÂN HỢP	Nữ	15/07/2010	Quảng Ngãi	7	6.5	7.4		0	20.9	NV1	
138	240125	06	NH1	NGUYỄN HỮU DIỄM MY	Nữ	02/06/2010	Quảng Ngãi	6.75	7.5	6.6		0	20.85	NV1	
139	240137	06	NH1	LÊ TRẦN KỶ NAM	Nam	25/10/2010	Quảng Ngãi	7.5	6.5	6.8		0	20.8	NV1	
140	240257	11	NH1	HUỶNH QUỲNH TRÂM	Nữ	14/08/2010	Quảng Ngãi	7	6.5	7.3		0	20.8	NV1	
141	240260	11	NH1	PHẠM BẢO TRẦN	Nữ	21/07/2010	Quảng Ngãi	7.75	6.75	6.3		0	20.8	NV1	
142	240272	12	NH1	TRẦN ĐÌNH TUẤN	Nam	04/10/2010	Quảng Ngãi	8.25	7.25	4.3		1	20.8	NV1	
143	240011	01	NH1	VÕ HOÀNG VIỆT ANH	Nam	06/05/2010	Quảng Ngãi	6	6.75	8		0	20.75	NV1	
144	240119	05	NH1	TỔNG DUY MẠNH	Nam	06/05/2010	Quảng Ngãi	6.75	7	7		0	20.75	NV1	

TT	SBD	Phòng thi	Hội đồng thi	Họ và tên học sinh	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm các môn thi				Điểm ưu tiên, KK	Điểm xét tuyển	Trúng tuyển nguyện vọng	Ghi chú
								Ngữ văn	Toán	T.Anh	Chuyên				
145	240039	02	NH1	ĐIỆP TRẦN TIẾN ĐẠT	Nam	22/01/2010	Quảng Ngãi	7.75	6.25	6.7		0	20.7	NV1	
146	240110	05	NH1	VÕ DUY LONG	Nam	28/01/2010	Quảng Ngãi	7.75	6.75	6.2		0	20.7	NV1	
147	240196	09	NH1	PHẠM ĐĂNG PHÚ	Nam	06/04/2010	Quảng Ngãi	7.5	7	6.2		0	20.7	NV1	
148	240108	05	NH1	CAO LÊ NHẬT LONG	Nam	22/09/2010	Hồ Chí Minh	7.5	7.75	5.4		0	20.65	NV1	
149	240259	11	NH1	LƯU HOÀI BẢO TRÂN	Nữ	10/03/2010	Quảng Ngãi	8	6.75	5.9		0	20.65	NV1	
150	240040	02	NH1	NGUYỄN HỒNG ĐẠT	Nam	26/09/2010	Quảng Ngãi	7	7.5	6.1		0	20.6	NV1	
151	240088	04	NH1	ĐÀM NGUYỄN MẠNH KHAI	Nam	01/10/2010	Quảng Ngãi	7.5	7	6.1		0	20.6	NV1	
152	240237	10	NH1	LÊ VIỆT THỊNH	Nam	24/05/2010	Quảng Ngãi	8.5	6.5	5.6		0	20.6	NV1	
153	240253	11	NH1	TỬ DUY TOÀN	Nam	07/09/2010	Quảng Ngãi	6.25	6.75	7.6		0	20.6	NV1	
154	240303	14	NH1	NGUYỄN TRẦN THẢO VY	Nữ	12/01/2010	Quảng Ngãi	5.5	7.5	7.6		0	20.6	NV1	
155	240064	03	NH1	TRẦN LÊ MỸ HẬU	Nữ	01/03/2010	Quảng Ngãi	8	7.25	5.3		0	20.55	NV1	
156	240176	08	NH1	PHẠM THỊ MỸ NHUNG	Nữ	14/01/2010	Quảng Ngãi	6.75	6.5	7.3		0	20.55	NV1	
157	240239	10	NH1	NGUYỄN TRIỀU MỸ THỊNH	Nữ	10/03/2010	Quảng Ngãi	7	8.25	5.3		0	20.55	NV1	
158	240135	06	NH1	VÕ LÊ LY NA	Nữ	19/10/2010	Quảng Ngãi	7.25	4.25	9		0	20.5	NV1	
159	240175	08	NH1	NGUYỄN THỊ THANH NHUNG	Nữ	06/06/2010	Quảng Ngãi	7	7.5	6		0	20.5	NV1	
160	240271	12	NH1	HỒ NGUYỄN TUẤN TỬ	Nam	29/10/2010	Quảng Ngãi	8.25	6.25	6		0	20.5	NV1	
161	240227	10	NH1	BÙI NGUYỄN NHƯ THẢO	Nữ	27/03/2010	Quảng Ngãi	8.25	5.75	6.4		0	20.4	NV1	
162	240299	13	NH1	LÊ NGUYỄN TƯỜNG VY	Nữ	23/09/2010	Quảng Ngãi	8.75	4.25	7.4		0	20.4	NV1	
163	240093	04	NH1	NGUYỄN NGỌC KHÁNH	Nam	06/02/2010	Quảng Ngãi	6	7.25	7.1		0	20.35	NV1	
164	240152	07	NH1	NGUYỄN THÀNH NGHĨA	Nam	05/02/2010	Quảng Ngãi	7.5	5.75	7.1		0	20.35	NV1	
165	240045	02	NH1	HỒ TRÍ ĐỨC	Nam	21/02/2010	Quảng Ngãi	7.25	7.75	5.3		0	20.3	NV1	
166	240191	08	NH1	ĐOÀN NHẬT PHONG	Nam	18/06/2010	Quảng Ngãi	7.5	6.5	5.8		0.5	20.3	NV1	
167	240202	09	NH1	PHẠM SỸ QUANG	Nam	03/07/2010	Quảng Ngãi	8.5	6.5	5.3		0	20.3	NV1	
168	240198	09	NH1	PHẠM THỊ THU PHƯƠNG	Nữ	11/01/2010	Long An	6.5	6.25	7.5		0	20.25	NV1	
169	240197	09	NH1	VÕ DUY PHƯỚC	Nam	01/09/2010	Quảng Ngãi	7.25	7.5	5.4		0	20.15	NV1	
170	240009	01	NH1	PHẠM QUỲNH ANH	Nữ	08/02/2010	Quảng Ngãi	7.5	6	6.6		0	20.1	NV1	
171	240103	05	NH1	VÕ THÀNH LÂM	Nam	19/04/2010	Quảng Ngãi	6	7	7.1		0	20.1	NV1	
172	240142	06	NH1	LÊ THANH NGÂN	Nữ	08/11/2010	Quảng Ngãi	8	6.5	5.6		0	20.1	NV1	
173	240013	01	NH1	NGÔ GIA BẢO	Nam	27/01/2010	Quảng Ngãi	7.75	6.5	5.8		0	20.05	NV1	
174	240056	03	NH1	PHẠM TÂN HẢI	Nam	06/02/2010	Quảng Ngãi	5.25	7	7.8		0	20.05	NV1	
175	240127	06	NH1	NGUYỄN THỊ THẢO MY	Nữ	26/04/2010	Quảng Ngãi	8.5	6.25	5.3		0	20.05	NV1	
176	240189	08	NH1	TRƯƠNG MINH PHÁT	Nam	10/10/2010	Quảng Ngãi	7.25	6	6.8		0	20.05	NV1	
177	240001	01	NH1	TIÊU NHẬT TƯỜNG ÁI	Nữ	19/04/2010	Quảng Ngãi	7.5	6.25	6.2		0	19.95	NV1	
178	240069	03	NH1	NGUYỄN THỊ KIM HIỀN	Nữ	18/01/2010	Quảng Ngãi	7.75	5.25	6.9		0	19.9	NV1	
179	240085	04	NH1	NGUYỄN THỊ THANH HƯƠNG	Nữ	17/09/2010	Quảng Ngãi	7.5	6	6.4		0	19.9	NV1	
180	240005	01	NH1	ĐOÀN NGỌC PHƯƠNG ANH	Nữ	05/09/2010	Quảng Ngãi	7	5.75	7.1		0	19.85	NV1	
181	240304	14	NH1	TRƯƠNG PHƯƠNG TƯỜNG VY	Nữ	17/05/2010	Quảng Ngãi	7	6.25	6.6		0	19.85	NV1	

TT	SBD	Phòng thi	Hội đồng thi	Họ và tên học sinh	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm các môn thi				Điểm ưu tiên, KK	Điểm xét tuyển	Trúng tuyển nguyện vọng	Ghi chú
								Ngữ văn	Toán	T.Anh	Chuyên				
182	240062	03	NH1	NGUYỄN NGỌC HÂN	Nữ	17/01/2010	Quảng Ngãi	7	6.25	6.5		0	19.75	NV1	
183	240111	05	NH1	HÀ VĂN LỘC	Nam	01/11/2010	Quảng Ngãi	6.5	6.75	6.5		0	19.75	NV1	
184	240145	07	NH1	NGUYỄN THỊ MỸ NGÂN	Nữ	19/09/2010	Quảng Ngãi	7.5	6.25	6		0	19.75	NV1	
185	240193	09	NH1	NGUYỄN PHAN HOÀNG PHONG	Nam	31/01/2010	Quảng Ngãi	8	5.75	6		0	19.75	NV1	
186	240029	02	NH1	TRẦN HUYỀN DIỆU	Nữ	26/06/2010	Quảng Ngãi	7.5	6	6.2		0	19.7	NV1	
187	240038	02	NH1	BÙI VĂN THÀNH ĐẠT	Nam	03/01/2010	Quảng Ngãi	7.75	6.25	5.7		0	19.7	NV1	
188	240102	05	NH1	NGUYỄN ĐÌNH KỶ	Nam	20/08/2010	Quảng Ngãi	6.5	7	6.2		0	19.7	NV1	
189	240162	07	NH1	NGUYỄN ĐĂNG NHÂN	Nam	14/02/2010	Quảng Ngãi	6.75	6.25	6.7		0	19.7	NV1	
190	240245	11	NH1	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THỦY	Nữ	14/05/2010	Quảng Ngãi	6.75	6.25	6.7		0	19.7	NV1	
191	240307	14	NH1	ĐINH LÊ NHƯ Ý	Nữ	25/12/2010	Quảng Ngãi	6	5.75	7.9		0	19.65	NV1	
192	240084	04	NH1	NGUYỄN DƯƠNG QUỲNH HƯƠNG	Nữ	04/02/2010	Quảng Ngãi	8.75	5	5.8		0	19.55	NV1	
193	240079	04	NH1	PHẠM NGỌC QUANG HUY	Nam	09/10/2010	Quảng Ngãi	6.75	6.5	6.2		0	19.45	NV1	
194	240263	11	NH1	HỒ NGUYỄN TỬ TRINH	Nữ	02/01/2010	Quảng Ngãi	8.5	4.75	6.2		0	19.45	NV1	
195	240006	01	NH1	LÊ PHAN MỸ ANH	Nữ	08/06/2010	Quảng Ngãi	7	5.5	6.9		0	19.4	NV1	
196	240194	09	NH1	NGUYỄN THANH PHONG	Nam	23/10/2010	Quảng Ngãi	6.25	6	7.1		0	19.35	NV1	
197	240242	11	NH1	VÕ THỊ THU	Nữ	04/08/2010	Quảng Ngãi	8	4.75	6.6		0	19.35	NV1	
198	240235	10	NH1	PHAN THỊ THIÊN	Nữ	17/05/2010	Quảng Ngãi	7.5	7	4.8		0	19.3	NV1	
199	240248	11	NH1	NGUYỄN ĐĂNG TIỀN	Nam	24/07/2010	Quảng Ngãi	6.25	5.5	7.5		0	19.25	NV1	
200	240003	01	NH1	NGUYỄN THÀNH AN	Nam	05/01/2010	Quảng Ngãi	4.5	6.5	8.2		0	19.2	NV1	
201	240113	05	NH1	LÊ THẢO LY	Nữ	28/11/2010	Quảng Ngãi	7.25	6.25	5.7		0	19.2	NV1	
202	240254	11	NH1	ĐÀM THỊ HUYỀN TRANG	Nữ	10/04/2010	Quảng Ngãi	7.5	7	4.7		0	19.2	NV1	
203	240036	02	NH1	VÕ DUY ĐAN	Nam	11/05/2010	Quảng Ngãi	6.5	7.75	4.9		0	19.15	NV1	
204	240143	06	NH1	NGUYỄN LÊ TUYẾT NGÂN	Nữ	11/03/2010	Đồng Nai	7.25	6.5	5.4		0	19.15	NV1	
205	240244	11	NH1	PHAN THỊ BẢO THUY	Nữ	05/02/2010	Quảng Ngãi	7.5	3.75	7.9		0	19.15	NV1	
206	240170	08	NH1	NGUYỄN MAI Ý NHI	Nữ	01/05/2010	Quảng Ngãi	8.5	5	5.6		0	19.1	NV1	
207	240070	03	NH1	TRẦN TRUNG HIỀN	Nam	23/02/2010	Quảng Ngãi	7.75	5.5	5.8		0	19.05	NV1	
208	240134	06	NH1	TỪ THỊ VI NA	Nữ	08/10/2010	Quảng Ngãi	7	6.75	5.3		0	19.05	NV1	
209	240282	12	NH1	NGUYỄN HUY TƯỢNG	Nam	05/07/2010	Quảng Ngãi	7.75	6	5.3		0	19.05	NV1	
210	240116	05	NH1	PHẠM THỊ KHÁNH LY	Nữ	22/05/2010	Quảng Ngãi	7	6.5	5.5		0	19	NV1	
211	240035	02	NH1	VÕ TIẾN ĐẠI	Nam	21/07/2010	Quảng Ngãi	6.75	7	5.2		0	18.95	NV1	
212	240078	04	NH1	NGUYỄN NAM HUY	Nam	01/01/2010	Quảng Ngãi	6.75	6.25	5.9		0	18.9	NV1	
213	240159	07	NH1	LƯƠNG HỮU KHỐI NGUYỄN	Nam	12/10/2010	Quảng Ngãi	7	5	6.9		0	18.9	NV1	
214	240293	13	NH1	TRẦN MINH VIÊN	Nam	02/07/2010	Quảng Ngãi	7	6	5.9		0	18.9	NV1	
215	240297	13	NH1	HUỲNH NGUYỄN THẢO VY	Nữ	17/04/2010	Hồ Chí Minh	7.5	6.5	4.9		0	18.9	NV1	
216	240169	08	NH1	NGUYỄN HOÀI YẾN NHI	Nữ	26/05/2010	Quảng Ngãi	8	4.75	6.1		0	18.85	NV1	
217	240230	10	NH1	NGUYỄN ĐỨC THẮNG	Nam	26/03/2010	Hồ Chí Minh	7.25	6	5.6		0	18.85	NV1	
218	240090	04	NH1	NGUYỄN TUẤN KHANG	Nam	02/09/2010	Quảng Ngãi	5.5	5.75	7.5		0	18.75	NV1	

TT	SBD	Phòng thi	Hội đồng thi	Họ và tên học sinh	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm các môn thi				Điểm ưu tiên, KK	Điểm xét tuyển	Trúng tuyển nguyện vọng	Ghi chú
								Ngữ văn	Toán	T.Anh	Chuyên				
219	240120	05	NH1	TRẦN QUỐC MINH	Nam	31/08/2010	Quảng Ngãi	7	6.75	5		0	18.75	NV1	
220	240181	08	NH1	LÊ THỊ NGỌC NY	Nữ	02/12/2010	Quảng Ngãi	8.75	4.5	5.5		0	18.75	NV1	
221	240287	12	NH1	VÕ NỮ HOÀNG UYÊN	Nữ	29/10/2010	Quảng Ngãi	6.75	5.5	6.5		0	18.75	NV1	
222	240221	10	NH1	NGUYỄN THÀNH TÀI	Nam	01/03/2010	Quảng Ngãi	6.5	5.5	6.7		0	18.7	NV1	
223	240082	04	NH1	VÕ THỊ THÙY HUYỀN	Nữ	10/08/2010	Quảng Ngãi	7	6.75	4.9		0	18.65	NV1	
224	240150	07	NH1	HUỶNH GIA NGHĨA	Nam	26/02/2010	Quảng Ngãi	8	5.25	5.4		0	18.65	NV1	
225	240173	08	NH1	NGUYỄN TỊNH NHIÊN	Nữ	12/01/2010	Quảng Ngãi	7	5.75	5.9		0	18.65	NV1	
226	240020	01	NH1	NGUYỄN HOÀNG CHÂN	Nam	24/09/2010	Quảng Ngãi	5.25	7	6.3		0	18.55	NV1	
227	240168	07	NH1	VÕ NGUYỄN HOÀNG NHẬT	Nam	01/02/2010	Quảng Ngãi	6.75	4.75	5.5		1.5	18.5	NV1	
228	240182	08	NH1	VÕ THỊ PHƯƠNG OANH	Nữ	10/04/2010	Quảng Ngãi	7.75	5.25	5.5		0	18.5	NV1	
229	240024	01	NH1	ĐỖ NGUYỄN QUANG CHÍNH	Nam	01/11/2010	Quảng Ngãi	6.5	5.75	6.2		0	18.45	NV1	
230	240071	03	NH1	NGUYỄN QUÝ HIẾU	Nam	24/02/2010	Quảng Ngãi	6	6.25	5.2		1	18.45	NV1	
231	240138	06	NH1	NGUYỄN QUANG HẢI NAM	Nam	27/02/2010	Quảng Ngãi	5.75	6.5	6.2		0	18.45	NV1	
232	240177	08	NH1	HỒ THỊ BẢO NHƯ	Nữ	20/06/2010	Bình Dương	6.25	5.5	6.7		0	18.45	NV1	
233	240067	03	NH1	HUỶNH NGỌC HIỀN	Nam	05/01/2010	Quảng Ngãi	7.5	5	5.9		0	18.4	NV1	
234	240087	04	NH1	DƯƠNG MINH KHẢI	Nam	27/10/2010	Quảng Ngãi	6.75	6.25	5.4		0	18.4	NV1	
235	240185	08	NH1	NGUYỄN NGỌC TIỀN PHÁT	Nam	15/08/2010	Hồ Chí Minh	6.5	5.5	6.4		0	18.4	NV1	
236	240051	03	NH1	PHẠM THỊ TRÀ GIANG	Nữ	31/01/2010	Quảng Ngãi	8	6.25	4.1		0	18.35	NV1	
237	240099	05	NH1	VÕ DUY KHOA	Nam	28/07/2010	Quảng Ngãi	6.25	7	5.1		0	18.35	NV1	
238	240200	09	NH1	CAO NGỌC QUANG	Nam	23/02/2010	Quảng Ngãi	7.75	5	5.6		0	18.35	NV1	
239	240014	01	NH1	NGUYỄN GIA BẢO	Nam	03/02/2010	Quảng Ngãi	8	4.5	4.8		1	18.3	NV1	
240	240083	04	NH1	LÊ NGUYỄN VIỆT HÙNG	Nam	24/09/2010	Quảng Ngãi	6.25	6.25	5.8		0	18.3	NV1	
241	240052	03	NH1	CHÊ THỊ THU HÀ	Nữ	17/03/2010	Quảng Ngãi	6.25	6.75	5.2		0	18.2	NV1	
242	240096	04	NH1	NGUYỄN NHẬT KHOA	Nam	17/04/2010	Quảng Ngãi	5	6.5	6.6		0	18.1	NV1	
243	240285	12	NH1	NGUYỄN PHƯƠNG THÙY UYÊN	Nữ	04/01/2010	Quảng Ngãi	7.5	4	5.6		1	18.1	NV1	
244	240139	06	NH1	NGUYỄN NỮ THIÊN NGA	Nữ	16/11/2010	Bình Thuận	7.5	5.75	4.7		0	17.95	NV1	
245	240190	08	NH1	DƯƠNG QUỐC PHONG	Nam	09/01/2010	Quảng Ngãi	6.5	7.25	4.2		0	17.95	NV1	
246	240284	12	NH1	NGUYỄN HUỶNH TỎ UYÊN	Nữ	14/01/2010	Quảng Ngãi	7	6.75	4.2		0	17.95	NV1	
247	240076	04	NH1	ĐẶNG THỂ HUY	Nam	21/09/2010	Thừa Thiên Huế	6	5	6.9		0	17.9	NV1	
248	240097	05	NH1	PHẠM NGUYỄN ANH KHOA	Nam	18/03/2010	Quảng Ngãi	5	6.5	6.4		0	17.9	NV1	
249	240055	03	NH1	NGUYỄN KHÁNH HẠ	Nữ	21/02/2010	Quảng Ngãi	7	5.25	5.6		0	17.85	NV1	
250	240015	01	NH1	NGUYỄN NGÔ LÊ ĐỨC BẢO	Nam	23/09/2010	Quảng Ngãi	7.25	7	3.5		0	17.75	NV1	
251	240247	11	NH1	NGUYỄN THỊ THANH THÚY	Nữ	16/08/2010	Quảng Ngãi	6	6.25	5.5		0	17.75	NV1	
252	240273	12	NH1	PHẠM VĂN THANH TÙNG	Nam	02/08/2010	Quảng Ngãi	7.25	6.5	4		0	17.75	NV1	
253	240280	12	NH1	TẠ QUANG TƯỜNG	Nam	04/02/2010	Quảng Ngãi	6.75	4.5	6		0.5	17.75	NV1	
254	240249	11	NH1	NGUYỄN THỊ KIM TIỀN	Nữ	14/01/2010	Quảng Ngãi	6.5	4.25	6.9		0	17.65	NV1	
255	240314	14	NH1	TRỊNH THỊ NHƯ YẾN	Nữ	07/02/2010	Quảng Ngãi	8	4.25	5.3		0	17.55	NV1	

TT	SBD	Phòng thi	Hội đồng thi	Họ và tên học sinh	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm các môn thi				Điểm ưu tiên, KK	Điểm xét tuyển	Trúng tuyển nguyện vọng	Ghi chú
								Ngữ văn	Toán	T.Anh	Chuyên				
256	240002	01	NH1	NGUYỄN DUY AN	Nam	29/05/2010	Quảng Ngãi	5.5	6.5	5.5		0	17.5	NV1	
257	240037	02	NH1	ĐẶNG HỒNG ĐÀO	Nữ	14/06/2010	Quảng Ngãi	6.25	4.5	6.7		0	17.45	NV1	
258	240188	08	NH1	TRẦN LÊ PHÁT	Nam	13/09/2010	Quảng Ngãi	7	5.25	5.2		0	17.45	NV1	
259	240028	02	NH1	TÔN NGUYỄN NGỌC DIỆM	Nữ	13/08/2010	Quảng Ngãi	6.5	6	4.9		0	17.4	NV1	
260	240199	09	NH1	NGUYỄN THỊ MINH PHƯỢNG	Nữ	03/05/2010	Quảng Ngãi	7	4.5	5.9		0	17.4	NV1	
261	240095	04	NH1	NGUYỄN DUY KHOA	Nam	15/03/2010	Quảng Ngãi	5.5	5.25	6.6		0	17.35	NV1	
262	240017	01	NH1	NGUYỄN VĂN ANH BẢO	Nam	22/06/2010	Quảng Ngãi	7	6	4.3		0	17.3	NV1	
263	240267	12	NH1	NGUYỄN VIỆT TRÌNH	Nam	04/06/2010	Quảng Ngãi	7.5	4	5.8		0	17.3	NV1	
264	240092	04	NH1	NGUYỄN BẢO KHÁNH	Nam	26/08/2010	Kon Tum	4.75	6.25	6.2		0	17.2	NV1	
265	240086	04	NH1	NGUYỄN GIA HY	Nam	16/10/2010	Quảng Ngãi	7	4.25	5.9		0	17.15	NV1	
266	240068	03	NH1	LÊ THỊ MỸ HIỀN	Nữ	12/10/2010	Quảng Ngãi	7	5.5	4.5		0	17	NV1	
267	240178	08	NH1	LÊ NỮ QUỲNH NHƯ	Nữ	13/04/2010	Quảng Ngãi	7.25	3.75	6		0	17	NV1	
268	240046	02	NH1	TRẦN ANH ĐỨC	Nam	22/04/2010	Quảng Ngãi	6.5	7.5	2.9		0	16.9	NV1	
269	240311	14	NH1	LƯƠNG TIÊU NHƯ Ý	Nữ	10/09/2010	Quảng Ngãi	6	6	4.9		0	16.9	NV1	
270	240106	05	NH1	ĐẶNG LÊ DIỆU LINH	Nữ	12/09/2010	Quảng Ngãi	5	6.25	5.6		0	16.85	NV1	
271	240184	08	NH1	ĐÀM VĂN PHÁT	Nam	20/02/2010	Quảng Ngãi	7.5	5.5	3.8		0	16.8	NV1	
272	240030	02	NH1	NGUYỄN ĐÌNH DŨNG	Nam	13/05/2010	Quảng Ngãi	5	6.75	5		0	16.75	NV1	
273	240061	03	NH1	NGUYỄN KHÁNH HÂN	Nữ	18/12/2010	Quảng Ngãi	7	5	4.7		0	16.7	NV1	
274	240077	04	NH1	NGUYỄN HỒ HUỖY	Nam	24/09/2010	Quảng Ngãi	5.25	4.25	7.2		0	16.7	NV1	
275	240165	07	NH1	HUỖNH GIA NHẬT	Nam	27/06/2010	Quảng Ngãi	6.5	4.5	5.7		0	16.7	NV1	
276	240204	09	NH1	LƯƠNG NGUYỄN THÀNH QUÝ	Nam	21/01/2010	Quảng Ngãi	7.25	4.75	4.7		0	16.7	NV1	
277	240294	13	NH1	NGUYỄN ĐĂNG VIỆT	Nam	18/04/2010	Quảng Ngãi	5.25	5.75	5.7		0	16.7	NV1	
278	240302	14	NH1	NGUYỄN THỊ HÀ VY	Nữ	20/01/2010	Quảng Ngãi	6.5	4.5	5.7		0	16.7	NV1	
279	240229	10	NH1	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THẢO	Nữ	26/01/2010	Quảng Ngãi	5.5	4.75	6.4		0	16.65	NV1	
280	240031	02	NH1	BÙI NGUYỄN CẨM DUYÊN	Nữ	19/07/2010	Quảng Ngãi	4.5	7	5.1		0	16.6	NV1	
281	240121	06	NH1	TRƯƠNG TUẤN MINH	Nam	31/07/2010	Quảng Ngãi	5.75	5.75	5.1		0	16.6	NV1	
282	240225	10	NH1	HUỖNH NGỌC THẠCH	Nam	01/12/2010	Quảng Ngãi	6.25	3.25	6.9		0	16.4	NV1	
283	240220	10	NH1	NGUYỄN TẤN TÀI	Nam	19/11/2010	Quảng Ngãi	5.75	5.25	5.3		0	16.3	NV1	
284	240033	02	NH1	HUỖNH ÁNH DƯƠNG	Nữ	20/11/2010	Quảng Ngãi	8	2.75	5.5		0	16.25	NV1	
285	240117	05	NH1	NGUYỄN NGỌC XUÂN MAI	Nữ	14/12/2010	Quảng Ngãi	6	4.25	6		0	16.25	NV1	
286	240115	05	NH1	NGUYỄN VŨ MAI LY	Nữ	12/12/2010	Quảng Ngãi	6.25	5.75	4.2		0	16.2	NV1	
287	240172	08	NH1	TRẦN LÊ YẾN NHI	Nữ	03/11/2010	Quảng Ngãi	7	3.75	5.4		0	16.15	NV1	
288	240118	05	NH1	LÊ ĐỨC MẠNH	Nam	02/11/2010	Quảng Ngãi	5.5	6.5	4.1		0	16.1	NV1	
289	240157	07	NH1	BÙI ĐÌNH NGUYỄN	Nam	13/11/2010	Quảng Ngãi	7.5	3.5	5.1		0	16.1	NV1	
290	240275	12	NH1	TRỊNH NGỌC TUY	Nam	03/05/2010	Quảng Ngãi	8	4	4.1		0	16.1	NV1	
291	240277	12	NH1	ĐÀM THỊ HỒNG TUYẾN	Nữ	24/11/2010	Quảng Ngãi	8.25	3.75	4		0	16	NV1	
292	240296	13	NH1	NGUYỄN QUỐC VƯƠNG	Nam	07/05/2010	Quảng Ngãi	5.25	5.5	5.1		0	15.85	NV1	

TT	SBD	Phòng thi	Hội đồng thi	Họ và tên học sinh	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm các môn thi				Điểm ưu tiên, KK	Điểm xét tuyển	Trúng tuyển nguyện vọng	Ghi chú
								Ngữ văn	Toán	T.Anh	Chuyên				
293	240129	06	NH1	NGUYỄN THỊ TRÀ MY	Nữ	15/02/2010	Quảng Ngãi	4	5	6.8		0	15.8	NV1	
294	240089	04	NH1	NGUYỄN CHÁU KHANG	Nam	16/06/2010	Quảng Ngãi	6	3.25	6.5		0	15.75	NV1	
295	240279	12	NH1	NGUYỄN ĐAM KHÁNH TUÔNG	Nữ	20/09/2010	Hồ Chí Minh	8	3.75	3.9		0	15.65	NV1	
296	240130	06	NH1	NGUYỄN THỊ TRÀ MY	Nữ	09/05/2010	Quảng Ngãi	5.5	6.5	3.6		0	15.6	NV1	
297	240255	11	NH1	NGUYỄN THỦY TRANG	Nữ	16/03/2010	Quảng Ngãi	6	3.5	6.1		0	15.6	NV1	
298	240264	11	NH1	NGUYỄN NGỌC PHƯƠNG TRINH	Nữ	06/07/2010	Quảng Ngãi	6	3	6.5		0	15.5	NV1	
299	240007	01	NH1	LƯU HUỖNH TRÂM ANH	Nữ	01/01/2010	Quảng Ngãi	5.25	4.75	5.4		0	15.4	NV1	
300	240075	04	NH1	PHAN NGỌC HÙNG	Nam	15/03/2010	Quảng Ngãi	6.25	5.75	3.4		0	15.4	NV1	
301	240057	03	NH1	TRƯƠNG HẢI	Nam	17/12/2010	Quảng Ngãi	7	3.25	5.1		0	15.35	NV1	
302	240166	07	NH1	NGUYỄN QUỐC NHẬT	Nam	26/10/2010	Quảng Ngãi	5.25	6.5	3.6		0	15.35	NV1	
303	240180	08	NH1	VÕ QUỲNH NHƯ	Nữ	10/10/2010	Quảng Ngãi	6	5.75	3.6		0	15.35	NV1	
304	240300	13	NH1	NGUYỄN NGỌC MINH VY	Nữ	25/05/2010	Quảng Ngãi	7.25	3	5.1		0	15.35	NV1	
305	240060	03	NH1	MAI THỊ THANH HẰNG	Nữ	02/04/2010	Quảng Ngãi	6.5	5	3.8		0	15.3	NV1	
306	240286	12	NH1	NGUYỄN THỊ KIM UYÊN	Nữ	06/08/2010	Quảng Ngãi	7	2.25	6		0	15.25	NV1	
307	240167	07	NH1	PHAN NGUYỄN TRUNG NHẬT	Nam	23/08/2010	Quảng Ngãi	5.75	4.25	5.2		0	15.2	NV1	
308	240010	01	NH1	TRẦN HUỖNH TUẤN ANH	Nam	30/06/2010	Quảng Ngãi	6.25	5.25	3.6		0	15.1	NV1	
309	240073	04	NH1	LÂM PHẠM THÁI HÒA	Nam	19/02/2010	Quảng Ngãi	5	3.5	6.6		0	15.1	NV1	
310	240034	02	NH1	PHAN VĂN DƯỠNG	Nam	15/11/2010	Quảng Ngãi	6.25	5.25	3.5		0	15	NV1	
311	240251	11	NH1	ĐOÀN PHÚ TIN	Nam	18/10/2010	Quảng Ngãi	6.5	4.5	4		0	15	NV1	

Danh sách này có: 311 học sinh trúng tuyển.

- + Tuyển thẳng: 00 học sinh
- + Nguyện vọng 1: 311 học sinh
- + Nguyện vọng 2: 00 học sinh

Danh sách này có: 311 học sinh được đề nghị xét duyệt.

- Trong đó: + Tuyển thẳng: 0 học sinh
- + Nguyện vọng 1: 311 học sinh
- + Nguyện vọng 2: 0 học sinh

DUYỆT CỦA SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO



Nguyễn Ngọc Thái

Người lập danh sách

Chu Anh Tuấn



Lê Văn Triều